

Số: 97 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 4 tháng đầu năm
và ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 2469
	Ngày: 24.4.2018
	Chuyên:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC AN NINH 04 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Sản xuất công nghiệp, đầu tư và xây dựng

a) Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp 4 tháng đầu năm ước đạt 38.582,3 tỷ đồng¹, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tăng 17,3%. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 31.669,7 tỷ đồng, tăng 1,1%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 5.052,8 tỷ đồng, tăng 6,5% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.859,7 tỷ đồng, tăng 80,9%.

Một số sản phẩm tăng khá so với cùng kỳ 2017 như: Thủy sản chế biến đạt 3.702 tấn, tăng 10,5%; đường RS đạt 11.725 tấn, tăng 7,9%; quần áo may sẵn đạt 4.532 ngàn cái, tăng 17,3%; nước máy đạt 3.948 ngàn m³, tăng 5,1%; dăm gỗ nguyên liệu giấy đạt 244.887 tấn, tăng 27,7%; riêng sản phẩm lọc hóa dầu đạt 2,3 triệu tấn, tăng 1,0%. Tuy nhiên, có một số sản phẩm giảm so cùng kỳ gồm: Bia các loại giảm 2,0%; bánh kẹo các loại giảm 1,5%; nước ngọt các loại giảm 2,4%; sữa các loại giảm 6,3%; tinh bột mì giảm 23,2%; điện sản xuất giảm 14,0%.

b) Đầu tư và xây dựng

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh năm 2018 là 4.259,585 tỷ đồng². Đến nay, đã phân khai hết kế hoạch vốn 2018 để các đơn vị triển khai thực hiện; cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 2.705,450 tỷ đồng³; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.554,135 tỷ đồng; bao gồm: (1) Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 128,224 tỷ đồng; (2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 327,611 tỷ đồng (phần vốn đầu tư phát triển); (3) Vốn Chương trình mục tiêu là 318 tỷ đồng; (4) Vốn trái phiếu Chính phủ là 550 tỷ đồng; (5) Nguồn vốn ODA là 230,3 tỷ đồng.

Đến ngày 15/4/2018, tổng giá trị giải ngân là 902,602 tỷ đồng, bằng

¹ Theo giá CĐ 2010.

² Không bao gồm 155 tỷ đồng vốn bội chi ngân sách địa phương.

³ Bao gồm 600 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất và 70 tỷ đồng vốn xỏ số kiến thiết.

21% kế hoạch năm, cụ thể: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 725,555 tỷ đồng, bằng 27% kế hoạch giao; nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân là 177,047 tỷ đồng, bằng 11% kế hoạch giao. Trong 4 tháng đầu năm, giải ngân chủ yếu từ các dự án chuyển tiếp. Đối với các dự án khởi công mới, các Chủ đầu tư chủ yếu thực hiện các bước phê duyệt kế hoạch đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, dự kiến sẽ triển khai thực hiện và giải ngân trong quý II/2018.

1.2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Về trồng trọt: Lúa vụ Đông – Xuân gieo sạ được 38.423,4 ha, giảm 1,0% (382,2 ha)⁴ so với vụ Đông – Xuân năm 2017. Tính đến ngày 15/4, trà lúa sớm đã thu hoạch được 10.832,1 ha, giảm 20,3% (2.762,1 ha) so với cùng thời điểm năm 2017. Lúa đã thu hoạch năng suất ước đạt 59,3 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha so với vụ Đông – Xuân năm 2017.

Diện tích ngô gieo trồng ước đạt 4.737,5 ha, xấp xỉ vụ Đông - Xuân năm 2017. Diện tích khoai lang đạt 218,3 ha, giảm 10,2% (24,7 ha). Diện tích lạc đạt 4.185,3 ha, tăng 1,9% (78,2 ha). Diện tích đậu tương đạt 29,5 ha, giảm 2% (0,6 ha). Diện tích rau đạt 6.640,7 ha, tăng 3,7% (234,3 ha). Diện tích đậu đạt 1.781,2 ha, tăng 7,5% (124,5 ha). Thời gian sau Tết, giá rau giảm thấp, ảnh hưởng đến thu nhập của người trồng.

Về chăn nuôi: Nhìn chung hiện nay, nuôi bò khá ổn định; nuôi trâu có xu hướng phát triển; nuôi gà phát triển mạnh nhờ thị trường tiêu thụ ổn định; chăn nuôi lợn chưa có chuyển biến do giá thịt lợn hơi vẫn duy trì ở mức thấp. Ước tính tại thời điểm cuối tháng 4/2018, đàn trâu đạt 70.380 con, tăng 2,3% so với cùng thời điểm năm 2017; đàn bò đạt 278.850 con, tăng 0,3%; đàn lợn đạt 402.010 con, giảm 4,7%; đàn gia cầm đạt 5.230,8 ngàn con⁵, tăng 10,8%.

Tính từ đầu năm đến giữa tháng 4, bệnh cúm gia cầm xảy ra tại 01 hộ nuôi làm chết và buộc tiêu hủy 700 con vịt; bệnh lở mồm long móng gia súc xảy ra tại 84 hộ nuôi với tổng số trâu bò mắc bệnh 149 con⁶.

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng tập trung lũy kế 4 tháng ước đạt 4.211 ha rừng⁷, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2017; sản lượng gỗ khai thác đạt 263.242 m³, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2017.

⁴ Do huyện Bình Sơn chuyển đổi một số diện tích chân ruộng cao, không chủ động nước sang cây trồng cạn khác có hiệu quả hơn; huyện Ba Tư có 53 ha đất lúa bị sa bồi thủy phá; huyện Sơn Tịnh chuyển giao đất trồng lúa (xã Tịnh Phong và Tịnh Thọ) cho Khu công nghiệp VSIP...

⁵ Trong đó, đàn gà đạt 3.886,9 ngàn con, tăng 11,7%.

⁶ Trong đó, trâu con 127, bò 122 con.

⁷ Chủ yếu là rừng keo nguyên liệu giấy.

Tính từ đầu năm đến giữa tháng 4/2018, toàn tỉnh không xảy ra cháy rừng; phát hiện 112 vụ vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng; trong đó, phát hiện 9 vụ phá rừng trái phép, tăng 3 vụ so với cùng kỳ năm 2017. Tổng diện tích rừng bị phá là 2,06 ha, giảm 2,77 ha⁸ so với cùng kỳ năm 2017;

c) Thủy sản

Ước tính 4 tháng, sản lượng thủy sản đạt 56.368,2 tấn, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2017⁹; trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 55.123 tấn, tăng 2,1%; sản lượng thủy sản nuôi trồng¹⁰ đạt 1.245,2 tấn, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Nhờ thời tiết thuận lợi, không có dịch bệnh nên diện tích thả nuôi cá, tôm tăng khá so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên, các đối tượng nuôi khác như ốc hương, nghêu, sò giảm sút do chưa có biện pháp khắc phục dịch bệnh¹¹ và chưa có biện pháp tăng năng suất.

1.3. Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính chung 4 tháng đầu năm ước đạt 16.405,2 tỷ đồng, tăng 9,22% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 4 tháng đầu năm tăng 3,07% so với cùng kỳ năm 2017.

Kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm ước đạt 165,6 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 36,8% kế hoạch năm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu có vốn trong nước đạt 104,4 triệu USD, tăng 6,9%; kim ngạch xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài đạt 61,2 triệu USD, tăng 34,8% so với cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm xuất khẩu đạt khá như: Đồ gỗ ước đạt 1,77 triệu USD, tăng 7%; thực phẩm chế biến ước đạt 3 triệu USD, tăng 45%; sợi bông ước đạt 17,3 triệu USD, tăng 23%; giày dép các loại ước đạt 11,7 triệu USD, tăng 139%; sản phẩm cơ khí ước đạt 38,3 triệu USD, tăng 152%; dầu FO đạt 22,4 triệu USD, tăng 5,7%; tinh bột mỳ ước đạt 29,8 triệu USD, tăng 8%.

Kim ngạch nhập khẩu 4 tháng đầu năm ước đạt 154,7 triệu USD, giảm 31,7% so với cùng kỳ năm trước, bằng 16,5% kế hoạch năm. Giảm chủ yếu là do trong 4 tháng đầu năm dầu thô nhập khẩu giảm 67,7%.

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu vận tải và các hoạt động dịch vụ vận tải 4 tháng đầu năm ước đạt 967,5 tỷ đồng, tăng

⁸ Trong đó, diện tích rừng phòng hộ là 1,16 ha, diện tích rừng sản xuất 0,9 ha.

⁹ Số liệu điều chỉnh theo kết quả rà soát điều tra.

¹⁰ Trong đó, thu hoạch tôm đạt 818 tấn (9,1 tấn tôm sú), tăng 14,5%; thu hoạch cá đạt 284,4 tấn, giảm 6,3% (riêng cá mú 8,5 tấn); cua 6 tấn.

¹¹ Xảy ra trong năm 2017.

9,10% so với cùng kỳ năm 2017. Bao gồm: vận tải hành khách đạt 300,6 tỷ đồng, tăng 11,17%; vận tải hàng hoá đạt 474,5 tỷ đồng, tăng 10,69 %; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 192,4 tỷ đồng, tăng 2,50%.

Vận chuyên hành khách ước đạt 2.053,24 nghìn lượt khách với mức luân chuyển 497.842,12 nghìn lượt khách-km, tăng 10,49% về vận chuyển và tăng 14,23% về luân chuyển so với cùng kỳ. Vận tải hàng hóa ước đạt 3.551,83 nghìn tấn với mức luân chuyển 544.840,24 nghìn tấn.km, tăng 10,76% về vận chuyển và tăng 6,37% về luân chuyển so với cùng kỳ năm 2017.

1.4. Thu chi ngân sách

Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 5.291 tỷ đồng, tăng 77,5% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 36,1% dự toán năm; trong đó, thu nội địa đạt 4.945 tỷ đồng tăng 77,1% so với cùng kỳ năm trước và đạt 35,4% dự toán năm, thu hoạt động xuất nhập khẩu 347 tỷ đồng, tăng 83,6% so với cùng kỳ năm trước và đạt 51,8% dự toán năm.

Trong tổng thu nội địa, nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 3.287 tỷ đồng, bằng 89,8% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 37,2% dự toán năm; các khoản thu còn lại trừ dầu khoảng 1.658 tỷ đồng, bằng 109,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 32,3% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách địa phương khoảng 2.729 tỷ đồng, tăng 198,2% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 22,4% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển 796 tỷ đồng, tăng 382,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 26,2% dự toán năm, chi thường xuyên 1.931 tỷ đồng, tăng 137,5% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 24,2% dự toán năm.

1.5. Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Trong 4 tháng đầu năm 2018, chưa cấp mới, điều chỉnh hay thu hồi dự án FDI nào¹²; vốn thực hiện ước đạt 07 triệu USD, bằng 47% so với cùng kỳ năm 2017.

Tình hình đầu tư trong nước: Toàn tỉnh có 36 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký 1.968 tỷ đồng¹³; điều chỉnh 04 dự án và thu hồi 01 dự án¹⁴.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới từ đầu năm đến ngày 20/4/2018 là 186 doanh nghiệp¹⁵, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm 2017; tổng vốn đăng ký 858 tỷ đồng; vốn

¹² Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 48 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.419 triệu USD. Trong đó, có 27 dự án hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh, 19 dự án đang triển khai các hoạt động đầu tư, 02 dự án tạm dừng hoạt động.

¹³ Toàn tỉnh hiện có 500 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 228.656 tỷ đồng.

¹⁴ Dự án Trang trại chăn nuôi gia súc chất lượng cao Sông Trà (đầu tư tại huyện Tư Nghĩa).

¹⁵ Trong đó, có 01 doanh nghiệp tư nhân, 66 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 105 công ty TNHH MTV, 14 công ty cổ phần và 23 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

đăng ký bình quân/doanh nghiệp: 7,31 tỷ đồng/1 doanh nghiệp. Từ đầu năm đến nay, có 111 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 79%; có 16 doanh nghiệp giải thể tự nguyện giảm 12,3% so với cùng kỳ 2017.

Trong tháng 4/2018, tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh – PCI năm 2017 và giải pháp thực hiện năm 2018; triển khai bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Quảng Ngãi.

1.6. Tài nguyên, môi trường

Tăng cường công tác kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm; giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy có xả thải ra môi trường.

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi. Ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; bổ sung, điều chỉnh bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019).

Thực hiện công tác lập lưới địa chính tại 142 điểm, đạt 72% kế hoạch giao; công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính chưa được thực hiện; thực hiện công tác thống kê tại 170 xã, 13 huyện đạt 92% kế hoạch; công tác lập hồ sơ địa chính đạt 19.356 hồ sơ, đạt 43% kế hoạch; thực hiện 01 đợt quan trắc môi trường, đạt 33% so với kế hoạch; thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường tại 10 cơ sở.

1.7. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tính đến tháng 4/2018, toàn tỉnh có 41 xã đạt chuẩn nông thôn mới. So với bình quân chung của cả nước thì kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh vẫn còn thấp. Hiện tỉnh chỉ có 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong khi bình quân cả nước là 35,4%.

Tổ chức làm việc với các xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 về kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định để xem xét, đánh giá công nhận huyện Nghĩa Hành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI với nội dung “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Triển khai nội dung Sổ tay phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018 với tổng vốn đầu tư 394,2 tỷ đồng.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức Lễ Bế mạc Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XII-2018. Hoàn thành Kế hoạch về tổ chức Hội thảo khoa học “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”. Tiếp tục triển khai và chuẩn bị các điều kiện để áp dụng chương trình, sách giáo khoa mới trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Ngày hội học sinh tiêu học cấp tỉnh tại thành phố Quảng Ngãi. Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi THPT cấp tỉnh, có 294/305 giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi THPT cấp tỉnh năm học 2017 - 2018, tỷ lệ 96,39%. Công bố kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh năm học 2017 - 2018, có 586/1.170 thí sinh đạt giải, tỷ lệ 50%.

Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS được chú trọng, thực hiện công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông giúp học sinh xác định nghề nghiệp phù hợp với năng lực. Hướng dẫn và chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2018; thi và cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông năm 2018. Thành lập 03 Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi tuyển giáo viên năm học 2017 - 2018 của tỉnh Quảng Ngãi.

2.1. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tập trung triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong các dịp lễ, tết theo Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh. Báo cáo kết quả một năm thực hiện theo Kết luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 21/CT-TU ngày 21/3/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thực phẩm¹⁶. Ban hành kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2018; kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Ngãi năm 2018.

Khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, khám bệnh cấp thuốc và tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh sau lũ. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh năm 2018; giám sát, phòng chống thủy đậu; hoạt động loại trừ giun chỉ bạch huyết.

2.3. Lao động, Thương binh và Xã hội

Trong 04 tháng đầu năm, toàn tỉnh giải quyết tạo việc làm cho khoảng 14.422 lao động, ước đạt 36,1% kế hoạch năm. Tổ chức 8 phiên giao dịch việc làm đầu xuân tại Khu công nghiệp VSIP và các huyện, thành phố trong tỉnh, qua đó đã giải quyết việc làm cho 1.600 lao động; phối hợp và tổ chức lễ kí kết đặt hàng đào tạo và cung ứng gần 16.000 nhân lực cho 05 doanh

¹⁶ Đã kiểm tra 4.727 cơ sở kinh doanh thực phẩm, trong đó, có 4.137 cơ sở đạt (chiếm tỷ lệ 87,5%).

nghiệp tại Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi; tư vấn, tuyển chọn lao động tham gia xuất khẩu lao động cho trên 422 người.

Hướng dẫn việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự năm 2018; tổ chức Hội thi tay nghề tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II - Năm 2018.

Giải quyết 398 trường hợp được hưởng trợ cấp ưu đãi người có công, 181 người hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định. Ban hành Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2018.

Thực hiện chương trình công tác trẻ em năm 2018 theo kế hoạch của Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; triển khai Chương trình công tác năm 2018 của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ.

2.4. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tập trung tuyên truyền, tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện trọng đại của tỉnh như: lễ kỷ niệm 73 năm Ngày Khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 - 11/3/2018), lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt di tích lịch sử Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; lễ tưởng niệm 50 năm Ngày 504 thường dân Sơn Mỹ bị thảm sát (16/3/1968 - 16/3/2018); kỷ niệm 43 năm Ngày Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (24/3/1975 - 24/3/2018).

Các hoạt động thể dục, thể thao: Hiện toàn tỉnh đang tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện, tiến tới tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh và chuẩn bị tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc. Tổ chức thành công giải Cờ tướng “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Mậu Tuất, giải vô địch trẻ võ thuật Cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVIII năm 2018, giải bóng đá tỉnh Quảng Ngãi Cup Pha Din 2018, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân tỉnh Quảng Ngãi năm 2018; Hội thi thể thao Cùm thi đua miền trung Tây nguyên. Các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia các giải khu vực và toàn quốc dành được 01 huy chương Vàng, 03 huy chương Bạc và 07 huy chương Đồng.

Về du lịch: Trong 4 tháng đầu năm 2018, lượng khách đến tham quan tại Quảng Ngãi tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 294.000 lượt người¹⁷, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng doanh thu ước đạt 262.000 triệu đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017. Lượng khách trong nước và quốc tế lưu trú tại tỉnh tăng 14% và 5% so với cùng kỳ năm 2017. Tỉnh cũng đã hoàn chỉnh kế hoạch phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại 04 huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Ba Tơ và Nghĩa Hành.

¹⁷ Trong đó, khách quốc tế ước đạt 21.700 lượt, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017.

2.4. Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình

Tập trung tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh với chủ đề tuyên truyền hằng tháng; Xuân Mậu Tuất - 2018 và kỷ niệm 88 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Giờ trái đất năm 2018; Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2018; Trật tự an toàn giao thông Tết nguyên đán 2018; Kỷ niệm 43 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam và Ngày Quốc tế Lao động... Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018.

Tập trung tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa II về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông trong xây dựng nông thôn mới năm 2018. Triển khai Hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại Trung tâm hành chính công tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính.

2.5. Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục theo dõi, quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) chuyên tiếp từ năm 2017 sang và các nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện năm 2018. Tổ chức nghiệm thu kết quả 02 dự án¹⁸ KH&CN và 02 nhiệm vụ quỹ gen. Tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện 4 tháng đầu năm 2018 đối với các đề tài, dự án. Thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt thuyết minh đề cương đối với các nhiệm vụ KH&CN năm 2018; tổ chức thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ KH&CN năm 2018. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2018.

Công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ được tập trung triển khai. Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng được chú trọng, đẩy mạnh các hoạt động giám sát và hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định của nhà nước về đo lường, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Các Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp đã thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tạo được hiệu quả trong việc nâng cao công suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm của doanh nghiệp.

¹⁸ Bao gồm: Dự án “Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức” và dự án “Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh”.

3. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại và an ninh, quốc phòng

3.1. Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo

Thực hiện 355 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành¹⁹, phát hiện 272 đơn vị có sai phạm. Qua thanh tra kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 840,33 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 1.203,07 triệu đồng; ban hành 148 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 688,5 triệu đồng và áp dụng nhiều biện pháp chấn chỉnh, khắc phục khác. Kịp thời phối hợp, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với 192 trường hợp thanh, kiểm tra doanh nghiệp có dấu hiệu trùng lặp.

Các cơ quan hành chính và lãnh đạo tỉnh đã tiếp 1.074/1.242 lượt người của 1.029 vụ việc, trong đó, có 08 lượt đoàn đông người của 03 vụ việc. Tiếp nhận và xử lý 1.985 đơn thư các loại. Về nội dung khiếu nại, lĩnh vực đất đai chiếm đa số với 352 đơn (chiếm 80,2%); đối với đơn tố cáo, tố cáo về lĩnh vực hành chính chiếm đa số với 38 đơn (chiếm 69,%); giải quyết 37/87 vụ²⁰ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 42,5%. Phát hiện 01 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cơ quan điều tra xem xét.

3.2. Công tác tư pháp

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật luôn được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định. Đã thực hiện thẩm định 45 lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; từ chối thẩm định 05 văn bản do chưa tuân thủ trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; tự kiểm tra 21 văn bản quy phạm; kiểm tra theo thẩm quyền 18 văn bản do HĐND, UBND các huyện, thành phố gửi đến sau khi ban hành. Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2017.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tổ chức triển khai thực hiện tốt, đảm bảo đúng kế hoạch với chất lượng ngày càng đi vào chiều sâu. Hoạt động hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã thực hiện 181 vụ việc trợ giúp pháp lý, 17 đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý về cơ sở, lập đặt 33 bảng thông tin về trợ giúp pháp lý tại các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh.

3.3. Công tác nội vụ

Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chuyển 06 Chi nhánh thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất tại 06 huyện miền núi về trực thuộc

¹⁹ Trong đó, 38 cuộc thanh tra hành chính tại 129 đơn vị.

²⁰ Trong đó, 30/71 vụ khiếu nại, 07/16 vụ tố cáo

UBND các huyện quản lý.

Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2018 – 2020. Ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

Công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ được thực hiện theo đúng quy định; tuyển dụng, chuyển chuyên, hợp đồng đối với công chức, viên chức được thực hiện kịp thời, đáp ứng nhu cầu công việc các đơn vị. Tổ chức thi tuyển công chức năm 2017 (đợt 2); giao quyết định biên chế sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3.4. Công tác ngoại vụ

Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác đối ngoại theo kế hoạch đã đề ra; hướng dẫn, quản lý 08 đoàn vào với 64 lượt người khách nước ngoài đến thăm, làm việc; cử 04 đoàn gồm 25 lượt cán bộ công chức viên chức đi công tác nước ngoài; xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) đạt hơn 02 tỷ đồng, nâng tổng giá trị viện trợ PCPNN trong 4 tháng đầu năm 2018 đạt hơn 57 tỷ đồng với 43 chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh và các hoạt động hữu nghị hợp tác theo kế hoạch năm 2018.

3.5. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, ổn định. Đảm bảo an ninh, an toàn trật tự trong thời gian trước, trong và sau Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018. Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện tốt và ra quân năm 2018 đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp và nhân dân địa phương nâng cao ý thức và nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tăng cường tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát và xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông. Trong 4 tháng đầu năm 2018, xảy ra 256 vụ vi phạm pháp luật về trật tự xã hội làm chết 03 người, bị thương 66 người; đã điều tra, khám phá 224/256 vụ (đạt 87,5%), bắt và xử lý 689 đối tượng. Phát hiện và điều tra, xử lý 58 vụ - 60 đối tượng vi phạm pháp luật về kinh tế; 80 vụ - 91 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường; 31 vụ - 52 đối tượng vi phạm pháp luật về ma túy. Toàn tỉnh xảy ra 142 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 54 người và bị thương 61 người.

Tóm lại: Trong 4 tháng đầu năm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực như: Giá trị sản xuất công nghiệp tăng, sản lượng khai thác thủy sản tăng; doanh thu vận tải, tổng mức bán lẻ hàng hóa và

doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng; kim ngạch xuất khẩu, sản lượng lọc hóa dầu tăng so với cùng kỳ 2017; thu hút đầu tư trong nước tăng khá. Tình hình xúc tiến và thu hút đầu tư đạt kết quả tốt và có nhiều tín hiệu tích cực.

Các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao; thông tin, truyền truyền, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ được thực hiện hiệu quả, kịp thời. Công tác chăm lo cho đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa và đối tượng gặp khó khăn được các ngành, các cấp chú trọng và triển khai thực hiện sớm, mang lại hiệu quả và ý nghĩa thiết thực; tăng cường kiểm tra, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho nhân dân được chủ động chuẩn bị và thực hiện tốt. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội được giữ vững, an toàn trật tự được thực hiện tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế - xã hội tỉnh ta phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như: tình hình thu hút các dự án FDI còn chậm; tình hình tiêu thụ một số loại nông sản gặp khó khăn, giá cả xuống thấp do dư thừa sản lượng; xảy ra tình trạng đốt pháo nổ trong dịp Tết; tình hình tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao...

II. DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Từ kết quả thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 04 tháng đầu năm 2018 cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo tỉnh về cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động đầu tư - kinh doanh; dự kiến trong 6 tháng đầu năm 2018 kết quả thực hiện và hoàn thành một số nhiệm vụ của tỉnh như sau:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 24.311,6 tỷ đồng, tăng 11,9% so cùng kỳ năm 2017 và đạt 47,4% kế hoạch năm. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 4.149,9 tỷ đồng, tăng 4,0% so cùng kỳ năm trước, đạt 48,9% kế hoạch năm; khu vực công nghiệp – xây dựng ước đạt 13.167,1 tỷ đồng, tăng 16,7% so cùng kỳ năm trước, đạt 49,3% kế hoạch năm; khu vực dịch vụ đạt 6.994,6 tỷ đồng, tăng 8,5% và đạt 48,8% kế hoạch năm.

- **Về sản xuất công nghiệp:** Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 57.230,5 tỷ đồng²¹, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước, đạt 51,3% kế hoạch năm. Trong đó, giá trị sản xuất ngoài dầu ước đạt 11.448,5 tỷ đồng, tăng 9,6% và đạt 47,0% kế hoạch. **Riêng sản lượng lọc hóa dầu ước đạt**

²¹ Theo giá CĐ 2010

45.781,9 tỷ đồng, tăng 16,3%²² và đạt 52,5% kế hoạch năm.

- Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm ước đạt 24.874,8 tỷ đồng, tăng 9,95% so với cùng kỳ 2017, đạt 48,8% kế hoạch năm.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 260,5 triệu USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ 2017, đạt 57,9% kế hoạch năm. *Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 475,5 triệu USD, tăng 77,4% so với cùng kỳ 2017, đạt 50,6% kế hoạch năm.

Tín dụng ngân hàng: Nguồn vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn dự kiến tăng trưởng 10,14%. Tổng dư nợ ước đạt 44.000 tỷ đồng, tăng 13,52% so với cuối năm 2017. Dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên ước đạt 26.700 tỷ đồng, chiếm 60,68% tổng dư nợ.

- Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Về trồng trọt: do người dân đã chủ động chuyển một số diện tích không chủ động được nước sang cây trồng khác hiệu quả hơn nên dự kiến sản lượng lương thực 6 tháng đầu năm ước đạt 255.708 tấn, đạt 51,16% kế hoạch năm, giảm 1,0% (2.717 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Về chăn nuôi: Dự kiến đàn gia súc (trâu, bò), gia cầm tăng so với cùng kỳ năm 2017. Riêng đàn heo giảm mạnh, do giá bán sản phẩm không tăng, đặc biệt giá thịt lợn hơi giảm ở mức thấp.

Về lâm nghiệp: Trồng mới rừng tập trung: 3.885 ha, đạt 30,6% kế hoạch năm, giảm 11,5% (501 ha) so với cùng kỳ năm 2017. Khoanh nuôi tái sinh rừng 2.985 ha, đạt 44,2% kế hoạch năm. Dự kiến sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng ước đạt 369.600 m³, đạt 38,9% kế hoạch năm, giảm 13,6% (58.549 m³) so với cùng kỳ năm 2017.

Thủy sản: Thời tiết trên biển từ đầu năm đến nay tương đối thuận lợi, tổng công suất tàu thuyền tăng so với cùng kỳ năm trước nên dự kiến sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 87.500 tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 50% kế hoạch năm. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 85.000 tấn, đạt 47% kế hoạch năm và tăng 2,3% so với cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng thu hoạch ước đạt 2.500 tấn²³, đạt 37% kế hoạch năm, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu, chi ngân sách: Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước khoảng 8.454 tỷ đồng, đạt 57,7% dự toán năm; trong đó, thu nội địa ước đạt 7.927,2 tỷ đồng, đạt 56,7% (**Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 4.714 tỷ đồng, đạt 53,3% dự toán năm**); thu hoạt động xuất nhập khẩu ước

²² Cùng kỳ năm 2017, Nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo dưỡng lần 3.

²³ Trong đó, dự kiến tôm nuôi đạt 1.600 tấn

đạt 526,8 tỷ đồng, đạt 78,6% dự toán năm.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương ước khoảng 5.282,4 tỷ đồng, đạt 43,3% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển là 1.097,3 tỷ đồng, đạt 36%; chi thường xuyên là 4.185,2 tỷ đồng, đạt 52,2% dự toán năm.

- **Về đầu tư phát triển:** Ước tính đến ngày 30/6/2018, giải ngân được khoảng 1.902,55 tỷ đồng, bằng 44,7% kế hoạch năm; trong đó: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 1.138,53 tỷ đồng, bằng 42,1% kế hoạch giao; Nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân là 764,02 tỷ đồng, bằng 49,2% kế hoạch giao

- **Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI):** dự kiến các dự án FDI thực hiện giải ngân vốn đầu tư khoảng 25 triệu USD, đạt 35,7% KH năm (70 triệu USD).

- **Tình hình đầu tư trong nước:** Dự kiến cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 60 dự án, tổng vốn đăng ký khoảng 8.000 tỷ đồng (trong đó, giai đoạn 1 của dự án của FLC khoảng 5.000 tỷ đồng). Giải ngân dự kiến đạt 5.000 tỷ đồng.

- **Về xây dựng nông thôn mới:** Dự kiến kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến tháng 6/2018: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 41 xã, Số tiêu chí đạt được bình quân/xã: 12,75, Số xã đạt dưới 5 tiêu chí \leq 12 xã.

- **Về tài nguyên môi trường:** Thực hiện công tác lập lưới địa chính đạt 85% kế hoạch giao; công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đạt 10% kế hoạch giao; công tác thống kê đạt 95% kế hoạch; công tác lập hồ sơ địa chính đạt 64% kế hoạch; quan trắc môi trường đạt 66% so với kế hoạch; thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường đạt 71% kế hoạch.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

- **Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:** Dự kiến một số chỉ tiêu chủ yếu trong 6 tháng đầu năm: Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã): 27,3 giường; số bác sỹ/vạn dân: 6,5 bác sỹ; tuổi thọ trung bình: 74 tuổi; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 8,5‰; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 88,23%.

- **Lao động, thương binh và xã hội:** Dự kiến đến 30/6/2018, số học sinh tham gia học nghề là 14.145 học sinh, sinh viên; sơ cấp và dạy nghề thường xuyên là 6.895 người (đạt 55%); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ước đạt 50%.

Các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao; thông tin, truyền thông; giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ trong 6 tháng đầu năm tiếp tục thực hiện hiệu quả, kịp thời chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018; các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương;

Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về Chương trình công tác năm 2018 của UBND tỉnh.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, ĐỐI NGOẠI VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

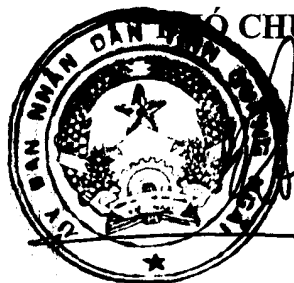
Trong thời gian tới, công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng tiếp tục kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm. Phối hợp theo dõi nắm tình hình, kịp thời thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ và bảo vệ ngư dân hoạt động kinh tế trên biển; tuyên truyền, vận động, ngăn chặn tàu cá, ngư dân xâm phạm chủ quyền vùng biển các nước để khai thác hải sản. Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự, giảm thiểu tai nạn giao thông; thường xuyên tuyên truyền phòng ngừa tai nạn lao động; đẩy mạnh công tác phòng cháy, chữa cháy.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 4 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018. UBND tỉnh kính báo cáo./.

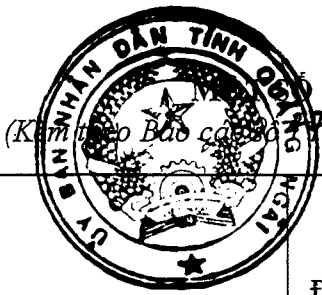
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.nghiên cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THbha111.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
ĐÓNG CHỮ TỊCH**



Phạm Trường Thọ



CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU THÁNG 4 NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 7/BC-UBND, ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước TH tháng 4/2018	Lũy kế 4 tháng đầu năm 2018	% TH so với tháng trước	% TH so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế 4 tháng so với KH năm 2018
1. Nông nghiệp								
- Tổng diện tích lúa Đông Xuân	Ha	38.000	38.423				99,0	101,1
2. Ngư nghiệp								
- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	170.000-180.000	21.011,4	56.368,2	138,3	102,8	102,3	32,2
3. Công nghiệp								
* Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	111.488	9.871,5	38.582,3	97,5	103,4	104,0	34,6
<i>* Một số sản phẩm chủ yếu:</i>								
- Thủy sản chế biến	Tấn	11.900	880	3.702	101,7	101,4	110,5	31,1
- Đường RS (Trên địa bàn tỉnh)	Tấn	11.312	5.142	11.725	100,4	166,1	107,9	103,7
- Bia	1.000 lít	170.000	14.474	55.710	108,9	100,3	98,0	32,8
- Quần áo may sẵn	1.000 sp	16.500	990	4.532	111,6	100,3	117,3	27,5
- Bánh kẹo các loại	Tấn	16.500	980	4.632	101,9	98,3	98,5	28,1
- Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	1.000 lít	104.000	11.000	26.024	202,9	105,9	93,7	25,0
- Nước khoáng & nước tinh khiết	1.000 lít	80.000	6.550	24.569	103,5	108,0	104,0	30,7
- Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	1.500	126	384	115,6	110,0	104,1	25,6
- Lọc hóa dầu	1000 tấn	6.500	595	2.327	95,5	99,8	101,0	35,8
- Phân bón hóa học	Tấn	33.000	2.040	11.567	78,8	103,1	101,3	35,1
- Gạch xây các loại	1.000 viên	477.000	30.020	98.888	102,2	100,1	102,8	20,7
- Tinh bột mỳ (Trên địa bàn tỉnh)	Tấn	58.000	1.000	17.491	16,5	24,5	76,8	30,2
- Dăm bột giấy	Tấn	670.000	59.693	244.887	88,0	107,2	127,7	36,6
4. Thương mại								
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	51.000	4.142,1	16.405,2	101,8	109,9	109,2	32,2
- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	450	34,58	165,62	56,4	111,1	115,8	36,8
<i>* Mặt hàng XK chủ yếu</i>								
+ Thủy sản	"	17	1,218	4,734	102,3	81,9	79,7	27,8
+ Tinh bột mỳ	"	70	11,680	29,788	127,4	196,2	108,0	42,6
+ Đồ gỗ	"	4	0,373	1,769	85,4	109,7	107,0	44,2
+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	110	7,382	27,382	117,3	69,6	67,4	24,9
+ May mặc	"	21	1,290	4,665	106,5	73,0	73,9	22,2
+ Thực phẩm chế biến khác	"	9	0,630	3,009	73,0	70,0	145,9	33,4
+ Sản phẩm cơ khí	"	100	-	38,278	-	-	252,9	38,3
+ Dầu FO	"	30	4,791	22,431	71,3	118,4	105,8	74,8
+ Sợi, sợi dệt các loại	"	50	4,905	17,327	85,0	136,1	123,1	34,7
+ Điện tử các loại và linh kiện	"	14	0,564	2,801	57,4	59,4	79,3	20,0
+ Giày dép các loại	"	23	1,293	11,682	32,6	89,9	239,0	50,8
+ Hàng hoá khác	"	2	0,453	1,754	44,2	1.258,3	4.872,2	87,7
- Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	940	26,57	154,67	63,0	40,3	68,3	16,5
<i>* Mặt hàng NK chủ yếu</i>	"							

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước TH tháng 4/2018	Lũy kế 4 tháng đầu năm 2018	% TH so với tháng trước	% TH so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế 4 tháng so với KH năm 2018
+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"	650	15,697	51,332	56,3	2.906,9	298,7	7,9
+ Sắt thép	"	35	0,579	12,093	14,3	49,7	535,8	34,6
+ Dầu thô	"	90	-	56,860	-	-	31,3	63,2
+ Nguyên, phụ liệu hàng may mặc	"	80	3,330	13,133	92,1	93,3	133,7	16,4
+ Bông các loại	"	45	6,000	15,599	114,2	2.857,1	179,0	34,7
+ Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo	"	5	0,438	2,271	64,8	60,7	117,9	45,4
+ Hàng hoá khác	"	35	0,521	3,379	77,5	26,4	73,2	9,7
5. Thu - Chi ngân sách								
- Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14.913,5	1.219,4	5.309,2			178,1	35,6
- Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	14.655	1.201,7	5.291,4			177,5	36,1
Trong đó: - Thu nội địa	"	13.985	1.111,7	4.944,6			177,1	35,4
+ Trg đó: Thu từ NM lọc dầu	"	8.845	765,0	3.286,6			89,8	37,2
- Thu hoạt động XNK	"	670	90,0	346,8			183,6	51,8
- Tổng chi ngân sách địa phương	"	14.092,2	1.031,0	2.951,2			289,2	20,9